

Bản án số: 283/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25-9-2024
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Chí Bình.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - Ông Huỳnh Văn Dứt;
 - Bà Nguyễn Thị Ly.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 280/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 505/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 440/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 326/TB-TA ngày 04/9/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tôn Thị K, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Phi P, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Tôn Thị K trình bày, qua mai mối, bà K và ông Trần Phi P tự tìm hiểu, tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, vào ngày 23/5/2002. Trong thời gian chung sống, bà K, ông P có sinh được 02 con chung tên Trần Tôn Tiến T, sinh ngày 20/3/2002 và Trần Tôn Tiến Đ,

sinh ngày 12/11/2004. Bà K, ông P chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, ông P rượu chè, cờ bạc, hay đánh đập vợ con. Vợ chồng không còn sống chung từ giữa năm 2023 cho đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà K yêu cầu được ly hôn với ông P; không yêu cầu xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung do các con chung Trần Tôn Tiến T, Trần Tôn Tiến Đ đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện bao gồm: Giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số I/2002 ngày 23/5/2002 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C cấp cho ông Trần Phi P và bà Tôn Thị K (bản chính); Giấy khai sinh số 48 ngày 03/4/2002 do Ủy ban nhân dân xã L A cấp cho Trần Tôn Tiến T (bản sao); Giấy khai sinh số 100 ngày 22/4/2005 do Ủy ban nhân dân xã L A cấp cho Trần Tôn Tiến Đ (bản sao).

- Bị đơn ông Trần Phi P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà K và ông P tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do ông P không lo làm ăn, rượu chè, cờ bạc, gây nợ nần, đập phá đồ đạc, đánh đập vợ con. Vợ chồng không còn sống chung từ giữa năm 2023 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà K yêu cầu ly hôn với ông P.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà K và ông P diễn ra trong khoảng thời gian dài. Vợ chồng không còn sống chung đã lâu nhưng không thể hàn gắn tình cảm.

Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Do đó, bà K yêu cầu ly hôn với ông P là có căn cứ.

Về con chung, do các con chung Trần Tôn Tiến T và Trần Tôn Tiến Đ đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K đối với ông P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Tôn Thị K khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Phi P. Đồng thời, ông P cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Trần Phi P đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà K và ông P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2002 theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông P là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà K xác định, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, ông P rượu chè, cờ bạc, hay đánh vợ con. Bà K, ông P không còn sống chung từ giữa năm 2023 cho đến nay.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà K và ông P không còn sống chung từ giữa năm 2023 cho đến nay. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông P nhưng ông P không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà K. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà K, ông P là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K đối với ông P theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà K xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh hai con chung tên Trần Tôn Tiến T, sinh ngày 20/3/2002 và Trần Tôn Tiến Đ, sinh ngày 12/11/2004. Bà K không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, các con chung đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân và bà K không yêu cầu xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng các con chung tên Trần Tôn Tiến T, Trần Tôn Tiến Đ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà K không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông P không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tôn Thị Kiều .

1. Về hôn nhân: Bà Tôn Thị K được ly hôn với ông Trần Phi P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số I/2002 ngày 23/5/2002 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Tôn Thị K và ông Trần Phi P không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Do các con chung tên Trần Tôn Tiến T, sinh ngày 20/3/2002 và Trần Tôn Tiến Đ, sinh ngày 12/11/2004 đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không đề cập giải quyết việc nuôi dưỡng con chung.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Tôn Thị K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015366 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 15 tháng 4 năm 2024; bà Tôn Thị K đã nộp đủ án phí.

Ông Trần Phi P không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Tôn Thị K có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Trần Phi P được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện C (1);
- UBND xã L, huyện C, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Chí Bình